

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1998/30.09.2024_KQ

- Tên khách hàng : Chi nhánh khí Hải Phòng – Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
- Địa chỉ : Tầng 11 tòa nhà Cát bi plaza số 1 Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô CN5.3C, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 12/09/2024
- Thời gian phân tích : 12/09/2024 đến ngày 30/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NTSH)	Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,9	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	66	500
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	60	500
4.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	120	500
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,92	10
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	3,41	-
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	28,0	40
8.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	3,16	6
9.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,6	10
10.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2017	4.100	10.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NTSH: Nước thải hồ ga tại điểm phía Đông Nam công ty giáp công ty JX Nhật Bản. Toạ độ: X(m)=2303006; Y(m)=608372.

- Quy chuẩn so sánh:

Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ: Giới hạn xả thải của nước thải đã qua xử lý sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của hệ thống phân phối tiện ích nước của khu công nghiệp Đình Vũ.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIỆN Y HỌC

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Viện Y học, 111 Nguyễn Trãi, Hà Nội

1. Tên bệnh nhân: ...
 2. Tuổi: ...
 3. Giới tính: ...
 4. Ngày sinh: ...
 5. Địa chỉ: ...
 6. Ngày nhập viện: ...
 7. Ngày xét nghiệm: ...
 8. Tên bác sĩ: ...
 9. Tên phòng xét nghiệm: ...
 10. Tên người phân tích: ...
 11. Tên người tiếp nhận: ...
 12. Tên người gửi: ...
 13. Tên người phân tích: ...
 14. Tên người phân tích: ...
 15. Tên người phân tích: ...
 16. Tên người phân tích: ...
 17. Tên người phân tích: ...
 18. Tên người phân tích: ...
 19. Tên người phân tích: ...
 20. Tên người phân tích: ...

STT	Tên bệnh nhân	Đơn vị	Phân tích	Đơn vị	Đơn vị
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...

Kết quả:

1. Tên bệnh nhân: ...
 2. Tuổi: ...
 3. Giới tính: ...
 4. Ngày sinh: ...
 5. Địa chỉ: ...
 6. Ngày nhập viện: ...
 7. Ngày xét nghiệm: ...
 8. Tên bác sĩ: ...
 9. Tên phòng xét nghiệm: ...
 10. Tên người phân tích: ...
 11. Tên người phân tích: ...
 12. Tên người phân tích: ...
 13. Tên người phân tích: ...
 14. Tên người phân tích: ...
 15. Tên người phân tích: ...
 16. Tên người phân tích: ...
 17. Tên người phân tích: ...
 18. Tên người phân tích: ...
 19. Tên người phân tích: ...
 20. Tên người phân tích: ...

Viện Y học, 111 Nguyễn Trãi, Hà Nội

CHỖ ĐÓNG DẤU

...

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NM.2000/30.09.2024_KQ

- Tên khách hàng : Chi nhánh khí Hải Phòng – Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
- Địa chỉ : Tầng 11 tòa nhà Cát bi plaza số 1 Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô CN5.3C, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 12/09/2024
- Thời gian phân tích : 12/09/2024 đến ngày 30/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NM)	QCVN 08:2023/BTNMT	
					Bảng 1	Bảng 2 (Mức B)
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,7	-	6,0 – 8,5
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	32	-	≤100
3.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,9	-	≤15
4.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH	-	≤1,5
5.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,07	-	≤0,3
6.	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520:2017	0,8	5,0	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NM: Mẫu nước lấy tại điểm cuối mương tiếp nhận nước thải của công ty. Tọa độ: X(m)= 2304211; Y(m)= 608214.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Bảng 1, Bảng 2 **Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



11/08/2013

THÔNG BÁO

Về việc: **Thay đổi nội dung**

1. Căn cứ vào Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.
2. Căn cứ vào Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.
3. Căn cứ vào Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.
4. Căn cứ vào Quyết định số 12/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

STT	Tên tài sản	Đơn vị quản lý	Số tài sản	Loại tài sản	Giá trị tài sản	Đơn vị quản lý	Số tài sản	Loại tài sản	Giá trị tài sản
1	Ô tô	Phòng Tài chính	01	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	01	Ô tô	1.000.000.000
2	Ô tô	Phòng Tài chính	02	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	02	Ô tô	1.000.000.000
3	Ô tô	Phòng Tài chính	03	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	03	Ô tô	1.000.000.000
4	Ô tô	Phòng Tài chính	04	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	04	Ô tô	1.000.000.000
5	Ô tô	Phòng Tài chính	05	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	05	Ô tô	1.000.000.000
6	Ô tô	Phòng Tài chính	06	Ô tô	1.000.000.000	Phòng Tài chính	06	Ô tô	1.000.000.000

Trên đây là thông báo

để các đơn vị biết và thực hiện.

Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.

Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.

Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.

Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.

Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.



Trên đây là thông báo để các đơn vị biết và thực hiện.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1999/30.09.2024_KQ

- Tên khách hàng : Chi nhánh khí Hải Phòng – Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
- Địa chỉ : Tầng 11 tòa nhà Cát bi plaza số 1 Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô CN5.3C, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 12/09/2024
- Thời gian phân tích : 12/09/2024 đến ngày 30/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,9	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	63	500
3.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	67	500
4.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	133	500
5.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	29,9	40
6.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	2,94	6
7.	As	mg/L	TCVN 6626:2000	<0,0025	0,1
8.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2017	<0,0004	0,01
9.	Cd	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,009	0,1
10.	Pb	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,03	0,5
11.	Cr III (Cr ³⁺)*	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017+ TCVN 6222:2008	KPH (LOD=0,005)	1
12.	Cr VI	mg/L	TCVN 7939:2008	<0,003	0,1
13.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035	2
14.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,06	3
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,04	0,5
16.	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035	1
17.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,39	5
18.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,7	10

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại điểm đầu nối vào hệ thống nước thải của KCN, phía Tây Nam, giáp đường KCN. Toạ độ: X(m)=2303019; Y(m)=608372.

- Quy chuẩn so sánh:

Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ: Giới hạn xả thải của nước thải đã qua xử lý sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của hệ thống phân phối tiện ích nước của khu công nghiệp Đình Vũ.

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Thông tin khác:

- + (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần tư vấn và xử lý môi trường Việt Nam – Phòng phân tích chất lượng (VIMCERTS 174 – VILAS 1504).
- + KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh



HAIVIET

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1997/30.09.2024_KQ

- Tên khách hàng : Chi nhánh khí Hải Phòng – Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP
- Địa chỉ : Tầng 11 tòa nhà Cát bi plaza số 1 Lê Hồng Phong, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Lô CN5.3C, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 12/09/2024
- Thời gian phân tích : 12/09/2024 đến ngày 30/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KK)	QCVN 05:2023/ BTNMT
1.	Bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	123	-
2.	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	QT-PT.33	<4.100	1000
3.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	75	500
4.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	63	850

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KK: Mẫu tại khu vực máy phát điện dự phòng. Toạ độ: X(m)=2303001; Y(m)=608369.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh

-“-“: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Ministry of Natural Resources and Environment

PHIẾU KIỂM TRA

Form No. 01/2014

1. Tên đơn vị: ...
2. Địa điểm: ...
3. Thời gian: ...
4. Nội dung: ...
5. Người kiểm tra: ...
6. Người được kiểm tra: ...

STT	Thông số	Đơn vị	Phạm vi	Thời gian	Đơn vị	Đơn vị
1	1.1	1.1.1	1.1.1.1	1.1.1.1.1	1.1.1.1.1	1.1.1.1.1
2	2.1	2.1.1	2.1.1.1	2.1.1.1.1	2.1.1.1.1	2.1.1.1.1
3	3.1	3.1.1	3.1.1.1	3.1.1.1.1	3.1.1.1.1	3.1.1.1.1
4	4.1	4.1.1	4.1.1.1	4.1.1.1.1	4.1.1.1.1	4.1.1.1.1
5	5.1	5.1.1	5.1.1.1	5.1.1.1.1	5.1.1.1.1	5.1.1.1.1

Chức vụ:

1. Chức vụ: ...

2. Chức vụ: ...

3. Chức vụ: ...

4. Chức vụ: ...

5. Chức vụ: ...

6. Chức vụ: ...

7. Chức vụ: ...

8. Chức vụ: ...

9. Chức vụ: ...

10. Chức vụ: ...

11. Chức vụ: ...

12. Chức vụ: ...

13. Chức vụ: ...